

Phụ lục IV
CHỈ SỐ TỶ LỆ HỒ SƠ THANH TOÁN TRỰC TUYẾN
(Ban hành kèm theo Công văn số /UBND-PVHCC
ngày / /2025 của UBND tỉnh)

Số liệu Quý III/2025 được xuất từ Cổng DVC quốc gia ngày 25/9/2025

STT	ĐƠN VỊ/ ĐỊA PHƯƠNG	TỶ LỆ %	GHI CHÚ
I	CÁC SỞ, BAN, NGÀNH		
1	Sở Nội vụ	100	
2	Sở Tư pháp	100	
3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	100	
4	Sở Xây dựng	100	
5	Sở Y tế	100	
6	Sở Dân tộc và Tôn giáo	100	
7	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	100	
8	Sở Nông nghiệp và Môi trường	100	
9	Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên	100	
10	Sở Khoa học và Công nghệ	47,67	
11	Sở Công Thương	46,17	
12	Sở Tài chính	35,33	
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	0	
II	UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG		
1	UBND phường Tuy Hòa	35,51	
2	UBND xã Ea Kar	31,78	
3	UBND xã Krông Ana	30,84	
4	UBND phường Buôn Ma Thuột	28,97	
5	UBND xã Tuy An Đông	28,04	
6	UBND xã Ea Knốp	27,1	
7	UBND xã Quảng Phú	26,17	
8	UBND xã Krông Năng	26,17	
9	UBND xã Ea Nuôl	25,23	

STT	ĐƠN VỊ/ ĐỊA PHƯƠNG	TỶ LỆ %	GHI CHÚ
10	UBND phường Buôn Hồ	24,3	
11	UBND phường Phú Yên	24,3	
12	UBND xã Ô Loan	24,3	
13	UBND xã Cuôr Đăng	23,36	
14	UBND phường Hòa Hiệp	23,36	
15	UBND xã Tuy An Bắc	23,36	
16	UBND phường Tân Lập	22,43	
17	UBND xã Dray Bhang	22,43	
18	UBND xã Ea Drăng	22,43	
19	UBND xã Ea Na	22,43	
20	UBND xã Krông Pắc	22,43	
21	UBND xã Ea Knuêk	22,43	
22	UBND xã Ea Kly	22,43	
23	UBND xã MĐrăk	22,43	
24	UBND phường Đông Hòa	22,43	
25	UBND xã Sơn Hòa	22,43	
26	UBND xã Hòa Phú	21,5	
27	UBND xã Cư M'gar	21,5	
28	UBND xã Ea Súp	21,5	
29	UBND xã Ea Rók	21,5	
30	UBND xã Pong Drang	21,5	
31	UBND phường Sông Cầu	21,5	
32	UBND xã Xuân Lộc	21,5	
33	UBND xã Tuy An Nam	21,5	
34	UBND phường Cư Bao	20,56	
35	UBND xã Ea Drông	20,56	
36	UBND xã Ea Păl	20,56	
37	UBND xã Krông Bông	20,56	
38	UBND xã Ea Phê	20,56	

STT	ĐƠN VỊ/ ĐỊA PHƯƠNG	TỶ LỆ %	GHI CHÚ
39	UBND xã Cư Mta	20,56	
40	UBND phường Bình Kiến	20,56	
41	UBND xã Ea Tul	19,63	
42	UBND xã Ea Hiao	19,63	
43	UBND xã Krông Búk	19,63	
44	UBND xã Cư Pui	19,63	
45	UBND xã Dliê Ya	19,63	
46	UBND xã Đức Bình	19,63	
47	UBND xã Sông Hinh	19,63	
48	UBND xã Xuân Phước	19,63	
49	UBND phường Thành Nhất	18,69	
50	UBND xã Ea Wer	18,69	
51	UBND xã Ea Ktur	18,69	
52	UBND xã Cư Pong	18,69	
53	UBND xã Phú Xuân	18,69	
54	UBND xã Liên Sơn Lắc	18,69	
55	UBND xã Hòa Xuân	18,69	
56	UBND xã Đồng Xuân	18,69	
57	UBND xã Ea Khăl	17,76	
58	UBND xã Ea Wy	17,76	
59	UBND xã Ea Bung	17,76	
60	UBND xã Dang Kang	17,76	
61	UBND xã Tuy An Tây	17,76	
62	UBND xã Phú Hòa 2	17,76	
63	UBND xã Hòa Thịnh	17,76	
64	UBND xã Hòa Mỹ	17,76	
65	UBND phường Ea Kao	16,82	
66	UBND xã Ea Kiết	16,82	
67	UBND xã Ea MDroh	16,82	

STT	ĐƠN VỊ/ ĐỊA PHƯƠNG	TỶ LỆ %	GHI CHÚ
68	UBND xã Ea Ning	16,82	
69	UBND xã Cư Yang	16,82	
70	UBND xã Hòa Sơn	16,82	
71	UBND xã Tam Giang	16,82	
72	UBND xã Vụ Bồn	16,82	
73	UBND xã Đăk Liêng	16,82	
74	UBND phường Xuân Đài	16,82	
75	UBND xã Xuân Thọ	16,82	
76	UBND xã Tây Hòa	16,82	
77	UBND phường Tân An	15,89	
78	UBND xã Xuân Cảnh	15,89	
79	UBND xã Sơn Thành	15,89	
80	UBND xã Ea HLeo	14,95	
81	UBND xã Ia Rvê	14,95	
82	UBND xã Tân Tiến	14,95	
83	UBND xã Ea Ly	14,95	
84	UBND xã Ea Bá	14,95	
85	UBND xã Phú Mỡ	14,95	
86	UBND xã Ea Ô	14,02	
87	UBND xã Ea Riêng	14,02	
88	UBND xã Krông Á	14,02	
89	UBND xã Cư Prao	14,02	
90	UBND xã Phú Hòa 1	14,02	
91	UBND xã Xuân Lãnh	14,02	
92	UBND xã Buôn Đôn	13,08	
93	UBND xã Yang Mao	12,15	
94	UBND xã Dur Kmăl	12,15	
95	UBND xã Nam Ka	12,15	
96	UBND xã Tây Sơn	12,15	

STT	ĐƠN VỊ/ ĐỊA PHƯƠNG	TỶ LỆ %	GHI CHÚ
97	UBND xã Ia Lốp	11,21	
98	UBND xã Ea Trang	11,21	
99	UBND xã Đăk Phoi	10,28	
100	UBND xã Krông Nô	10,28	
101	UBND xã Vân Hòa	8,41	
102	UBND xã Suối Trai	7,48	